TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Linh N**, sinh năm 1995; Số CCCD: 045195005964; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị.

Bị đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1992; Số CCCD: 045092006870; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Linh N và ông Phan Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Linh N và ông Phan Văn T thuận tình ly hôn *(Giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện H (nay là xã L), tỉnh Quảng Trị).*

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Linh N và ông Phan Văn T có 01 con chung là cháu Phan Mạnh T1, sinh ngày 11/3/2024. Khi ly hôn, giao cháu Phan Mạnh T1 cho bà Nguyễn Thị Linh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phan Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi con thành niên, đủ khả năng lao động.

Ông Phan Văn T có quyền thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông Phan Văn T thực hiện quyền này.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Linh N và ông Phan Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Linh N thỏa thuận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0002799 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Bà Nguyễn Thị Linh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

THẨM PHÁN

Trần Quang Sơn